

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
 ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **12/07/2024**

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,000	5.25%
2	BCG	200	0.19%
3	BID	100	0.51%
4	BVH	100	0.50%
5	CTG	400	1.40%
6	DBC	100	0.38%
7	DCM	100	0.43%
8	DGC	100	1.37%
9	DGW	100	0.70%
10	DIG	200	0.59%
11	DPM	100	0.41%
12	DXG	300	0.48%
13	EIB	800	1.67%
14	EVF	200	0.31%
15	FPT	600	8.68%
16	FRT	100	1.95%
17	GAS	100	0.85%
18	GEX	300	0.76%
19	GMD	100	0.91%
20	GVR	100	0.40%
21	HAG	300	0.39%



22	HCM	200	0.61%
23	HDB	1,100	3.03%
24	HDG	100	0.35%
25	HHV	200	0.28%
26	HPG	1,600	5.02%
27	HSG	300	0.81%
28	KBC	300	0.94%
29	KDC	100	0.62%
30	KDH	200	0.84%
31	LPB	1,100	3.74%
32	MBB	1,400	3.52%
33	MSB	800	1.25%
34	MSN	300	2.47%
35	MWG	600	4.23%
36	NKG	100	0.27%
37	NLG	100	0.47%
38	OCB	500	0.79%
39	PAN	100	0.28%
40	PCI	100	0.34%
41	PDR	200	0.51%
42	PLX	100	0.51%
43	PNJ	100	1.06%
44	POW	200	0.33%
45	PVD	100	0.32%
46	PVT	100	0.33%
47	REE	100	0.78%
48	SAB	100	0.61%
49	SBT	200	0.27%
50	SHB	1,500	1.93%
51	SSB	700	1.59%
52	SSI	500	1.89%
53	STB	900	2.92%
54	TCB	2,200	5.46%
55	TCH	200	0.44%
56	TPB	500	0.97%
57	VCB	300	2.87%
58	VCG	100	0.21%
59	VCI	100	0.52%
60	VHC	100	0.80%
61	VHM	600	2.51%
62	VIB	600	1.39%
63	VIC	600	2.68%
64	VIX	300	0.56%



65	VJC	100	1.10%
66	VND	500	0.90%
67	VNM	400	2.88%
68	VPB	2,300	4.77%
69	VRE	400	0.90%
II.	Tiền/Cash (VND)	34,025,647	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	919,418,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND)	953,443,647
Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	34,025,647

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	24,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	46,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	133,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	83,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	64,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	97,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	71,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	22,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	16,550	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>



Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

